

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THÁI DƯƠNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2024 ĐẾN 30/06/2024

Tháng 11 năm 2024

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Trí Thiện	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Xuân Nam	Thành viên	
Ông Đặng Văn Hoá	Thành viên	
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 28/06/2024)
Ông Nguyễn Công Khải	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 28/06/2024)
Ông Yoshiro Komiyama	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 28/06/2024)
Ông Nguyễn Trọng Nghĩa	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 28/06/2024)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 16/04/2024)
Ông Nguyễn Trọng Nghĩa	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 16/04/2024)
Ông Bùi Trung Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 16/04/2024)
Ông Masayuki Takeuchi	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Xuân Nam	Phó Tổng Giám đốc	

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Minh	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Mai Hương	Thành viên
Bà Đỗ Như Ngọc	Thành viên

Kế toán trưởng của Công ty là bà Bùi Thị Ngọc Huyền.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, ngoài các sự kiện đã nêu tại thuyết minh số 31, phần thuyết minh Báo cáo tài chính, không có bất kỳ sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Trí Thiện

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 22 tháng 11 năm 2024



Số: 1018/2024/UHY-BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Về Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 22 tháng 11 năm 2024, từ trang 06 đến trang 35 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30/06/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra Kết luận

Tại ngày 30/06/2024 và 01/01/2024, trong khoản mục "Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết" trên Bảng đối kế toán riêng tại ngày 30/06/2024 của Công ty bao gồm khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tona với giá trị thuần bằng không (trong đó giá gốc khoản đầu tư là 147.000.000.000 đồng, giá trị trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư là toàn bộ số tiền này do Công ty đã thực hiện đánh giá thận trọng và cho rằng khoản đầu tư này khó có khả năng thu được lợi ích kinh tế trong tương lai). Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá giá trị thuần của khoản đầu tư này có hợp lý hay không cũng như ảnh hưởng của chúng tới các chỉ tiêu khác được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Tại ngày 30/06/2024, trên khoản mục "Phải thu về cho vay ngắn hạn" và "Phải thu ngắn hạn khác" trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty bao gồm khoản cho vay ngắn hạn không có tài sản đảm bảo đối với Công ty Cổ phần Cát Tường Thiên Tân Lạc với số tiền: 163.000.000.000 đồng (tại ngày 01/01/2024 số tiền: 163.000.000.000 đồng) và số lãi cho vay phải thu tương ứng đến thời điểm phát hành báo cáo chưa thu được là 23.187.506.850 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 18.190.757.055 đồng). Tại thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty đã thu hồi được 42.200.000.000 đồng tiền gốc khoản vay. Chúng tôi không thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp làm cơ sở đánh giá giá trị hợp lý cũng như khả năng thu hồi của các khoản cho vay và lãi cho vay còn lại. Do đó, chúng tôi không đánh giá được mức trích lập dự phòng cần thiết và ảnh hưởng của chúng tới các chỉ tiêu khác được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng kèm theo.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Cơ sở của việc từ chối đưa ra Kết luận (tiếp)

Tại ngày 30/06/2024, trên khoản mục “Phải thu ngắn hạn khác” bao gồm khoản ký cược ký quỹ với số tiền 17.088.366.800 đồng và khoản tạm ứng cho nhân viên để thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh là 31.002.167.972 đồng. Chúng tôi chưa được cung cấp đầy đủ các tài liệu liên quan đến tình hình sử dụng các khoản tạm ứng. Vì vậy, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Tại ngày 30/6/2024, giá trị dự phòng giảm giá vào Công ty con là Công ty Cổ phần BWG Mai Châu chưa bao gồm ảnh hưởng của việc kiểm toán viên không đánh giá được tính hiện hữu và khả năng thu hồi của số dư khoản phải thu về cho vay ngắn hạn số tiền 90.000.000.000 đồng trên báo cáo tài chính của Công ty con. Với những tài liệu hiện có, chúng tôi chưa thể xác định liệu có rủi ro liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu trên tại các Công ty con và liệu có cần phải điều chỉnh khoản mục “Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn” cũng như các điều chỉnh cần thiết khác có liên quan (nếu có).

Trong 6 tháng đầu năm 2024, Doanh thu và giá vốn bán hàng hóa (vật liệu xây dựng) không qua kho của Công ty lần lượt là 28.204.446.000 đồng và 27.769.595.000 đồng chiếm 99,9% tổng doanh thu và 98,3% tổng giá vốn trong kỳ của Công ty. Số dư các khoản công nợ phải thu khách hàng và phải trả người bán có liên quan tại ngày 30/06/2024 lần lượt là 13.484.673.000 đồng và 16.504.804.100 đồng. Với các tài liệu được cung cấp và các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể đưa ra kết luận về doanh thu, giá vốn đã ghi nhận trong 06 tháng đầu năm 2024, số dư công nợ phải thu, phải trả nêu trên cũng như ảnh hưởng (nếu có) đến các khoản mục có liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Kết luận của kiểm toán viên

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra kết luận nào về các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.



Bùi Minh Đức

Giám đốc kiểm toán

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 5886-2021-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 22 tháng 11 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/06/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		355.095.926.336	321.683.583.505
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	467.039.902	187.593.979
Tiền	111		467.039.902	187.593.979
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		352.799.848.660	319.550.696.136
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	75.593.875.820	62.098.085.745
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	5.201.179.960	13.407.556.118
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	260.000.000.000	180.266.296.949
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	72.158.561.880	123.932.526.324
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn	137	10	(60.153.769.000)	(60.153.769.000)
Hàng tồn kho	140	11	609.028.345	582.392.345
Hàng tồn kho	141	11	609.028.345	582.392.345
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.220.009.429	1.362.901.045
Thuế GTGT được khấu trừ	152		970.009.429	1.112.901.045
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	250.000.000	250.000.000
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		246.922.938.691	263.274.999.424
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	36.537.600
Phải thu dài hạn khác	216	9	-	36.537.600
Tài sản cố định	220		1.385.439.463	2.435.191.171
Tài sản cố định hữu hình	221	12	1.385.439.463	2.435.191.171
- Nguyên giá	222		1.977.307.273	3.472.907.273
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(591.867.810)	(1.037.716.102)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	237.887.746.228	252.926.993.553
Đầu tư vào công ty con	251		419.120.000.000	419.120.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		147.000.000.000	147.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		198.660.000	198.660.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(328.430.913.772)	(313.391.666.447)
Tài sản dài hạn khác	260		7.649.753.000	7.876.277.100
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	7.649.753.000	7.876.277.100
TỔNG TÀI SẢN	270		602.018.865.027	584.958.582.929

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Tại ngày 30/06/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		116.396.249.752	86.379.850.610
Nợ ngắn hạn	310		29.508.199.752	85.672.500.610
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	19.716.440.860	5.929.809.685
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	15.200.009	3.031.748.509
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	-	24.049.547
Phải trả người lao động	314		210.195.800	163.410.900
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	1.314.870.421	332.125.169
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	2.312.340.000	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	5.939.152.662	76.191.356.800
Nợ dài hạn	330		86.888.050.000	707.350.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	86.888.050.000	707.350.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		485.622.615.275	498.578.732.319
Vốn chủ sở hữu	410	20	485.622.615.275	498.578.732.319
Vốn góp của chủ sở hữu	411		792.000.000.000	792.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		792.000.000.000	792.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(306.377.384.725)	(293.421.267.681)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(293.421.267.681)	11.030.674.183
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(12.956.117.044)	(304.451.941.864)
TỔNG NGUỒN VỐN	440		602.018.865.027	584.958.582.929

Hà Nội, ngày 22 tháng 11 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Bùi Thị Ngọc Huyền

Bùi Thị Ngọc Huyền

Nguyễn Trí Thiện

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	28.241.682.139	50.951.606.174
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		28.241.682.139	50.951.606.174
Giá vốn hàng bán	11	22	27.742.959.000	50.817.179.036
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		498.723.139	134.427.138
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	7.206.005.825	8.153.766.501
Chi phí tài chính	22	24	19.057.878.988	279.166.227.436
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.423.031.663	1.718.223.598
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	1.381.875.373	31.910.148.799
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(12.735.025.397)	(302.788.182.596)
Thu nhập khác	31	27	46.408.353	-
Chi phí khác	32	28	267.500.000	-
Lợi nhuận khác	40		(221.091.647)	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(12.956.117.044)	(302.788.182.596)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(12.956.117.044)	(302.788.182.596)

Hà Nội, ngày 22 tháng 11 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Bùi Thị Ngọc Huyền

Bùi Thị Ngọc Huyền

Nguyễn Trí Thiện

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		(12.956.117.044)	(302.788.182.596)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		146.160.061	109.099.910
Các khoản dự phòng	03		15.039.247.325	307.731.360.338
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		2.595.600.000	-
(Lãi)/lỗ hoạt động đầu tư	05		(7.252.414.178)	(8.153.766.501)
Chi phí lãi vay	06		1.423.031.663	1.718.223.598
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(1.004.492.173)	(1.383.265.251)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		49.222.626.493	5.954.914.057
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(26.636.000)	43.160.036
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		16.178.828.028	(3.018.556.018)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		226.524.100	266.133.228
Tiền lãi vay đã trả	14		(623.316.411)	(1.671.331.762)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		63.973.534.037	191.054.290
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		950.000.000	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(100.900.000.000)	(47.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		17.266.296.949	13.132.703.051
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	10.000.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.656.719.075	5.617.841.284
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(77.026.983.976)	(18.249.455.665)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		55.420.000.000	55.293.900.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(42.087.104.138)	(42.139.580.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		13.332.895.862	13.154.319.100
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		279.445.923	(4.904.082.275)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	187.593.979	12.828.301.735
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	467.039.902	7.924.219.460

Hà Nội, ngày 22 tháng 11 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Bùi Thị Ngọc Huyền

Bùi Thị Ngọc Huyền

Nguyễn Trí Thiện

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0105806767 ngày 01 tháng 03 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 11 số 0105806767 ngày 15 tháng 07 năm 2022.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 792.000.000.000 đồng (Bảy trăm chín mươi hai tỷ đồng).

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 08, toà nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là: 6 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 9 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh thương mại các mặt hàng thiết bị điện tử, phân bón, vật liệu xây dựng và các mặt hàng từ tre.

1.3 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG KỲ KẾ TOÁN ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Trong giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024, Công ty tập trung vào hoạt động thương mại hàng hóa (chủ yếu là các mặt hàng vật liệu xây dựng và các mặt hàng từ tre) để tạo lợi nhuận đủ bù đắp chi phí vận hành Công ty. Trong kỳ, Công ty đã ghi nhận doanh thu bán hàng hóa với số tiền là: 28.241.682.139 đồng với giá vốn tương ứng số tiền là: 27.801.959.000 đồng đem lại lợi nhuận gộp cho Công ty số tiền là: 439.723.139 đồng.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty trong vòng 12 tháng.

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đã được soát xét.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty có các công ty con của Công ty tại thời điểm 30/06/2024 bao gồm:

Tên Công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần BWG Mai Châu	Hoà Bình	96,54%	96,54%	Sản xuất các sản phẩm từ tre, trồng rừng và chăm sóc rừng.
Công ty Cổ phần Sunstar Ecotech Việt Nam	Hà Nội	93%	93%	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp.

Công ty có công ty liên doanh, liên kết:

Tên Công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tona	Hà Nội	49%	49%	Thiết kế nội, ngoại thất, thiết kế kiến trúc, tư vấn dự án, quy hoạch hạ tầng đô thị.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính riêng này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

2.3 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.4 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1. CƠ SỞ, MỤC ĐÍCH LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Báo cáo tài chính được lập là Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập Báo cáo tài chính.

Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty.

3.2. ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

3.4. CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty;
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào việc đánh giá mức tổn thất để lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Đầu tư vào Công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu các khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng được chia từ lợi nhuận lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước đây. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư.

3.6. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá trị hàng xuất kho được tính theo phương pháp đích danh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6. HÀNG TỒN KHO (TIẾP)

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành theo tỷ lệ sản phẩm hoàn thành tương đương.

3.7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 20
- Máy móc, thiết bị	05 - 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10

3.8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước bao gồm: khoản phải trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.10. CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.11. CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

3.12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay phải trả trong kỳ: chi phí lãi vay ngân hàng;
- Các khoản chi phí khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh trong kỳ.

3.13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của công ty.
- Quỹ khen thưởng phúc, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Báo cáo tài chính.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

3.14. DOANH THU

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thường hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thường hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thường hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính có liên quan.

3.15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.16. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

3.17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

3.18. BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này;

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tiền mặt	397.450.975	170.356.000
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	69.588.927	17.237.979
Cộng	467.039.902	187.593.979

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/06/2024				01/01/2024			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	Tỷ lệ quyền biểu quyết
	VND	VND	VND	%	VND	VND	VND	%
Đầu tư vào công ty con	419.120.000.000	(181.232.253.772)	(*)		419.120.000.000	(77.404.399.504)	(*)	
- Công ty Cổ phần BWG Mai Châu	270.320.000.000	(92.443.646.829)	(*)	96,54%	270.320.000.000	(77.404.399.504)	(*)	96,54%
- Công ty Cổ phần Sunstar Ecotech Việt Nam	148.800.000.000	(88.788.606.943)	(*)	93%	148.800.000.000	(88.788.606.943)	(*)	93%
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	147.000.000.000	(147.000.000.000)	(*)	49%	147.000.000.000	(147.000.000.000)	(*)	49%
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tona (1)	147.000.000.000	(147.000.000.000)	(*)	49%	147.000.000.000	(147.000.000.000)	(*)	49%
Đầu tư vào đơn vị khác	198.660.000	(198.660.000)	(*)	16%	198.660.000	(198.660.000)	(*)	16%
- Công ty Cổ phần Jarcel Việt Nam	198.660.000	(198.660.000)	(*)	16%	198.660.000	(198.660.000)	(*)	16%
Cộng	566.318.660.000	(328.430.913.772)	(*)		566.318.660.000	(313.391.666.447)	(*)	

(1) Tại thời điểm lập Báo cáo này, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tona đang khó khăn về hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính, ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc thu hồi của khoản đầu tư trong tương lai và chưa biết thời gian nào tình hình kinh doanh và tình hình tài chính sẽ được cải thiện. Để thận trọng, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc quyết định trích lập dự phòng 100% giá trị của khoản đầu tư này.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính vì không có giá niêm yết thị trường cho các công cụ tài chính này, đồng thời Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	75.593.875.820	(59.740.825.000)	62.098.085.745	(59.740.825.000)
- Công ty Cổ phần Phát triển Phân bón Đình Vũ	59.740.825.000	(59.740.825.000)	59.740.825.000	(59.740.825.000)
- Công ty Cổ Phần Đầu tư Xuân Huy	13.484.673.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Giải pháp COLLAB	1.999.466.700	-	-	-
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển thương mại Thanh Nga HN	84.922.802	-	785.912.802	-
- Công ty Cổ phần Ademax	-	-	745.000.000	-
- Phải thu khách hàng khác	283.988.318	-	826.347.943	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	75.593.875.820	(59.740.825.000)	62.098.085.745	(59.740.825.000)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	5.201.179.960	(50.000.000)	13.407.556.118	(50.000.000)
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hafa	5.051.629.300	-	7.942.269.300	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng công nghiệp và Đô thị Việt Nam	-	-	2.815.203.350	-
- Công ty Cổ phần đầu tư và Thương mại quốc tế Bình Minh Việt	-	-	2.193.110.000	-
- Trả trước cho người bán khác	149.550.660	(50.000.000)	456.973.468	(50.000.000)
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	5.201.179.960	(50.000.000)	13.407.556.118	(50.000.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	260.000.000.000	-	180.266.296.949	-
- Công ty Cổ phần Cát Tường Thiên Tân Lạc (1)	163.000.000.000	-	163.000.000.000	-
- Ông Hà Văn Thi (2)	8.500.000.000	-	-	-
- Bà Bùi Thị Thảo (3)	9.000.000.000	-	-	-
- Bà Hà Thị Lệ (4)	8.500.000.000	-	-	-
- Ông Lê Xuân Tường (5)	7.500.000.000	-	-	-
- Ông Đỗ Đức Giang (6)	7.500.000.000	-	-	-
- Ông Hà Văn Toàn (7)	8.000.000.000	-	-	-
- Bà Nguyễn Thị Tuyết (8)	8.000.000.000	-	-	-
- Bà Hà Thị Nhân (9)	8.500.000.000	-	-	-
- Bà Hà Thị Thúy Mơ (10)	7.500.000.000	-	-	-
- Bà Phạm Thị Bảy (11)	8.000.000.000	-	-	-
- Bà Hà Thị Hạnh (12)	7.000.000.000	-	-	-
- Ông Đinh Văn Kính (13)	9.000.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại quốc tế Bình Minh Việt	-	-	1.386.296.949	-
- Bà Khả Thị Thảo	-	-	8.080.000.000	-
- Ông Vi Văn Thạch	-	-	4.000.000.000	-
- Ông Mặc Văn Nhất	-	-	3.800.000.000	-
Cộng	260.000.000.000	-	180.266.296.949	-

- (1) Cho vay theo Hợp đồng số 01/HĐV/STD-CTT ngày 16/12/2021, Phụ lục số 01 ký ngày 16/12/2022 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương (Bên A) và Công ty Cổ phần Cát Tường Thiên Tân Lạc (Bên B). Thời gian cho vay 12 tháng kể từ thời điểm ký hợp đồng vay, lãi suất 8%/năm, khoản vay không có tài sản đảm bảo. Bên A có quyền hoán đổi số tiền cho vay thành vốn góp vào bên B trong trường hợp bên vay tăng vốn điều lệ. Khoản vay được thông qua tại Nghị quyết HĐQT số 12/2021/NQHĐQT/SJF ngày 15/12/2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN (TIẾP)

- (2) Theo phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐV/SJF-CTT ngày 01/01/2023 giữa 2 bên, Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương (Bên A) đồng ý gia hạn khoản vay cho Công ty Cổ phần Cát Tường Thiên Tân Lạc (Bên B) đến thời điểm 31/12/2024. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty đã thu được số tiền gốc vay là 42.200.000.000 đồng.
- (3) Hợp đồng vay mượn số 09.2024/HĐCV/STD-CN ngày 02/04/2024 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương và Ông Hà Văn Thi với số tiền 8.500.000.000 đồng. Thời hạn 3 tháng, lãi suất 2%/năm, không có tài sản đảm bảo, mục đích vay để phục vụ mục đích cá nhân. Tại thời điểm phát hành báo cáo này đã được thu hồi bằng tiền mặt.
- (4) Hợp đồng vay mượn số 10.2024/HĐCV/STD-CN ngày 04/04/2024 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương và Bà Bùi Thị Thảo với số tiền 9.000.000.000 đồng. Thời hạn 3 tháng, lãi suất 2%/năm, không có tài sản đảm bảo, mục đích vay để phục vụ mục đích cá nhân. Tại thời điểm phát hành báo cáo này đã được thu hồi bằng tiền mặt.
- (5) Hợp đồng vay mượn số 11.2024/HĐCV/STD-CN ngày 01/04/2024 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương và Bà Hà Thị Lệ với số tiền 8.500.000.000 đồng. Thời hạn 3 tháng, lãi suất 2%/năm, không có tài sản đảm bảo, mục đích vay để phục vụ mục đích cá nhân. Tại thời điểm phát hành báo cáo này đã được thu hồi bằng tiền mặt.
- (6) Hợp đồng vay mượn số 01/2024/HĐCV/STD-CN ngày 04/04/2024 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương và Ông Lê Xuân Tường với số tiền 7.500.000.000 đồng. Thời hạn 3 tháng, lãi suất 2%/năm, không có tài sản đảm bảo, mục đích vay để phục vụ mục đích cá nhân. Tại thời điểm phát hành báo cáo này đã được thu hồi bằng tiền gửi ngân hàng.
- (7) Hợp đồng vay mượn số 02/2024/HĐCV/STD-CN ngày 07/04/2024 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương và Ông Đỗ Đức Giang với số tiền 7.500.000.000 đồng. Thời hạn 3 tháng, lãi suất 2%/năm, không có tài sản đảm bảo, mục đích vay để phục vụ mục đích cá nhân. Tại thời điểm phát hành báo cáo này đã được thu hồi bằng tiền gửi ngân hàng.
- (8) Hợp đồng vay mượn số 03/2024/HĐCV/STD-CN ngày 08/04/2024 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương và Ông Hà Văn Toàn với số tiền 8.000.000.000 đồng. Thời hạn 3 tháng, lãi suất 2%/năm, không có tài sản đảm bảo, mục đích vay để phục vụ mục đích cá nhân. Tại thời điểm phát hành báo cáo này đã được thu hồi bằng tiền gửi ngân hàng.
- (9) Hợp đồng vay mượn số 04/2024/HĐCV/STD-CN ngày 10/04/2024 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương và Bà Nguyễn Thị Tuyết với số tiền 8.000.000.000 đồng. Thời hạn 3 tháng, lãi suất 2%/năm, không có tài sản đảm bảo, mục đích vay để phục vụ mục đích cá nhân. Tại thời điểm phát hành báo cáo này đã được thu hồi bằng tiền gửi ngân hàng.
- (10) Hợp đồng vay mượn số 05/2024/HĐCV/STD-CN ngày 13/04/2024 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương và Bà Hà Thị Nhân với số tiền 8.500.000.000 đồng. Thời hạn 3 tháng, lãi suất 2%/năm, không có tài sản đảm bảo, mục đích vay để phục vụ mục đích cá nhân. Tại thời điểm phát hành báo cáo này đã được thu hồi bằng tiền gửi ngân hàng.
- (11) Hợp đồng vay mượn số 06/2024/HĐCV/STD-CN ngày 16/04/2024 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương và Bà Hà Thị Thúy Mơ với số tiền 7.500.000.000 đồng. Thời hạn 3 tháng, lãi suất 2%/năm, không có tài sản đảm bảo, mục đích vay để phục vụ mục đích cá nhân. Tại thời điểm phát hành báo cáo này đã được thu hồi bằng tiền gửi ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN (TIẾP)

- (12) Hợp đồng vay mượn số 08/2024/HĐCV/STD-CN ngày 20/04/2024 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương và Bà Phạm Thị Bảy với số tiền 8.000.000.000 đồng. Thời hạn 3 tháng, lãi suất 2%/năm, không có tài sản đảm bảo, mục đích vay để phục vụ mục đích cá nhân. Tại thời điểm phát hành báo cáo này đã được thu hồi bằng tiền gửi ngân hàng.
- (13) Hợp đồng vay mượn số 09/2024/HĐCV/STD-CN ngày 05/05/2024 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương và Bà Hà Thị Hạnh với số tiền 7.000.000.000 đồng. Thời hạn 3 tháng, lãi suất 2%/năm, không có tài sản đảm bảo, mục đích vay để phục vụ mục đích cá nhân. Tại thời điểm phát hành báo cáo này đã được thu hồi bằng tiền gửi ngân hàng.
- (14) Hợp đồng vay mượn số 07/2024/HĐCV/STD-CN ngày 19/04/2024 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương và Ông Đinh Văn Kính với số tiền 9.000.000.000 đồng. Thời hạn 3 tháng, lãi suất 2%/năm, không có tài sản đảm bảo, mục đích vay để phục vụ mục đích cá nhân. Tại thời điểm phát hành báo cáo này đã được thu hồi bằng tiền gửi ngân hàng.

9. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	72.158.561.880	(362.944.000)	123.932.526.324	(362.944.000)
- Phải thu khác	24.031.489.508	(362.944.000)	33.744.104.352	(362.944.000)
+ Lãi tiền gửi, cho vay (*)	23.617.013.699	-	18.190.757.055	-
+ Bà Nguyễn Thị Tuyền	-	-	10.140.000.000	-
+ Bà Nguyễn Thị Thu Phương	-	-	5.000.000.000	-
+ Phải thu khác	414.475.809	(362.944.000)	413.347.297	(362.944.000)
- Tạm ứng	31.002.167.972	-	7.727.881.172	-
- Ký cược, ký quỹ ngắn hạn (**)	17.124.904.400	-	82.460.540.800	-
b) Dài hạn	-	-	36.537.600	-
- Ký cược, ký quỹ dài hạn	-	-	36.537.600	-
Cộng	72.158.561.880	(362.944.000)	123.969.063.924	(362.944.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

9. PHẢI THU KHÁC (TIẾP)

(*) Trong đó lãi cho vay của Công ty Cổ phần Cát Tường Thiên Tân Lạc tại 30/06/2024 là 23.187.506.850 đồng.

(**) Khoản đặt cọc tiền đất cho dự án xây dựng “Nhà máy sản xuất tấm ván tre OSB Thanh Hóa” và dự án “Phát triển vùng nguyên liệu” với tổng giá trị: 17.088.366.800 đồng.

10. NỢ XẤU

	30/06/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán						
- Công ty Cổ phần phát triển Phân bón Đình Vũ	59.740.825.000	-	(59.740.825.000)	59.740.825.000	-	(59.740.825.000)
- Công ty TNHH Cơ điện ABBS Việt Nam	50.000.000	-	(50.000.000)	50.000.000	-	(50.000.000)
- Các đối tượng khác	362.944.000	-	(362.944.000)	362.944.000	-	(362.944.000)
Cộng	60.153.769.000	-	(60.153.769.000)	60.153.769.000	-	(60.153.769.000)

11. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Hàng hóa	609.028.345	-	582.392.345	-
Cộng	609.028.345	-	582.392.345	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2024	3.472.907.273	3.472.907.273
- Thanh lý, nhượng bán	(1.495.600.000)	(1.495.600.000)
30/06/2024	<u>1.977.307.273</u>	<u>1.977.307.273</u>
HAO MÒN LŨY KẾ		
01/01/2024	(1.037.716.102)	(1.037.716.102)
- Khấu hao trong kỳ	(146.160.061)	(146.160.061)
- Thanh lý, nhượng bán	592.008.353	592.008.353
30/06/2024	<u>(591.867.810)</u>	<u>(591.867.810)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2024	<u>2.435.191.171</u>	<u>2.435.191.171</u>
30/06/2024	<u>1.385.439.463</u>	<u>1.385.439.463</u>

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là: 1.183.333.333 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024: 1.389.375.839 đồng).

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2024 <u>VND</u>	01/01/2024 <u>VND</u>
- Chi phí thuê văn phòng	7.649.753.000	7.876.277.100
Cộng	<u>7.649.753.000</u>	<u>7.876.277.100</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	19.716.440.860	19.716.440.860	5.929.809.685	5.929.809.685
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại quốc tế Bình Minh Việt	16.504.804.100	16.504.804.100	-	-
- Công ty Cổ phần Việt Nga Hòa Bình	1.412.340.000	1.412.340.000	2.312.340.000	2.312.340.000
- Công ty Cổ phần Sunstar Bamboo Việt nam	-	-	3.183.227.148	3.183.227.148
- Các đối tượng khác	1.799.296.760	1.799.296.760	434.242.537	434.242.537
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	19.716.440.860	19.716.440.860	5.929.809.685	5.929.809.685

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	15.200.009	15.200.009	3.031.748.509	3.031.748.509
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hafà	-	-	2.316.950.000	2.316.950.000
- Khách hàng khác	15.200.009	15.200.009	714.798.509	714.798.509
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	15.200.009	15.200.009	3.031.748.509	3.031.748.509

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/ PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp	24.049.547	2.831.118.490	2.855.168.037	-
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	24.049.547	2.828.118.490	2.852.168.037	-
- Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
	24.049.547	2.831.118.490	2.855.168.037	-
	01/01/2024	Số phải thu/thực nộp trong kỳ	Số đã thực thu/ khấu trừ trong kỳ	30/06/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu	250.000.000	-	-	250.000.000
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	250.000.000	-	-	250.000.000
	250.000.000	-	-	250.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.314.870.421	332.125.169
- Trích trước chi phí lãi vay	1.128.870.421	332.125.169
- Thù lao Hội đồng Quản trị	186.000.000	-
b) Dài hạn	-	-
Cộng	1.314.870.421	332.125.169

18. PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	2.312.340.000	-
- Công ty Cổ phần Việt Nga Hòa Bình	2.312.340.000	-
b) Dài hạn	-	-
Cộng	2.312.340.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	30/06/2024		Trong kỳ		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	5.939.152.662	5.939.152.662	144.376.900.000	128.358.104.138	76.191.356.800	76.191.356.800
- Vay ngắn hạn	5.751.400.000	-	58.015.600.000	128.150.648.800	75.886.448.800	75.886.448.800
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh Thủ đô	-	-	-	41.879.648.800	41.879.648.800	41.879.648.800
+ Doanh nghiệp nước ngoài StaBOO Holding AG (1)	5.751.400.000	5.751.400.000	58.015.600.000	86.271.000.000	34.006.800.000	34.006.800.000
- Vay dài hạn đến hạn trả	187.752.662	187.752.662	86.361.300.000	207.455.338	304.908.000	304.908.000
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	-	-	75.000.000	75.000.000	75.000.000
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (2)	180.600.000	180.600.000	90.300.000	90.300.000	180.600.000	180.600.000
+ Ngân hàng PGBank - Hà Nội Phòng giao dịch Trương Định (3)	7.152.662	7.152.662	-	42.155.338	49.308.000	49.308.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	86.888.050.000	86.888.050.000	86.271.000.000	90.300.000	707.350.000	707.350.000
- Doanh nghiệp nước ngoài StaBOO Holding AG (1)	86.271.000.000	-	86.271.000.000	-	-	-
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (2)	617.050.000	617.050.000	-	90.300.000	707.350.000	707.350.000
Cộng	92.827.202.662	92.827.202.662	230.647.900.000	128.448.404.138	76.898.706.800	76.898.706.800

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(1) Khoản vay doanh nghiệp Thụy Sĩ StaBOO Holding AG theo hợp đồng vay sau:

- Hợp đồng vay số 01/SB-SJF ngày 28/04/2023 số tiền 500.000 CHF (Năm trăm nghìn Franc Thụy Sĩ) với lãi suất 2%/năm. Thời hạn vay đến 15/12/2023. Mục đích vay: Sử dụng cho hoạt động kinh doanh. Không có tài sản đảm bảo.
- Hợp đồng vay số 02/SB-SJF ngày 25/08/2023 số tiền 700.000 CHF (Bảy trăm nghìn Franc Thụy Sĩ) với lãi suất 2%/năm. Thời hạn vay đến 15/12/2023. Mục đích vay: Sử dụng cho hoạt động kinh doanh. Không có tài sản đảm bảo.
- Hợp đồng vay số 03/SB-SJF ngày 31/01/2024 số tiền 2.000.000 CHF (Hai triệu Franc Thụy Sĩ) với lãi suất 2%/năm. Thời hạn vay đến 31/03/2024. Mục đích vay: Sử dụng cho hoạt động kinh doanh. Không có tài sản đảm bảo.
- Theo thỏa thuận ngày 28/05/2024 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương và ông Nguyễn Trọng Nghĩa (Bên vay) và StaBOO Holding AG (Bên cho vay), StaBOO Holding AG đồng ý gia hạn khoản vay với số tiền 3.000.000 CHF (Ba triệu Franc Thụy Sĩ) đến thời điểm 31/05/2034 với các điều khoản cụ thể như sau:
 - Bên vay phải hoàn trả số tiền 200.000 CHF (Hai trăm nghìn Franc Thụy Sĩ) của các khoản vay trước đây;
 - Bên cho vay được nhận 10% cổ phần của Công ty Cổ phần staBOO Thanh Hóa (Công ty mà ông Nguyễn Trọng Nghĩa nắm giữ cổ phần);
 - Khoản vay không tính lãi suất theo từng thời kỳ. Tuy nhiên, tại thời điểm khoản vay hết hạn (31/05/2034), bên vay (Công ty Cổ phần Sao Thái Dương và ông Nguyễn Trọng Nghĩa) phải có nghĩa vụ mua lại 10% cổ phần Công ty Cổ phần staBOO Thanh Hóa của bên cho vay (staBOO Holding AG).

(2) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lâm theo Hợp đồng tín dụng số 01/2023/6152035/HĐTD ngày 16/11/2023; Số tiền vay: 903.000.000 VNĐ. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua ô tô Kia Carnival 2.2D Signature 7S; Thời hạn vay: 60 tháng; Lãi suất: 8,5%/năm. Tài sản thế chấp: Xe ô tô Kia Carnival 2.2D Signature 7S, biển kiểm soát 30K-605.63.

(3) Khoản vay Ngân Hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển (tên cũ: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex) - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 109.1029/2017/HĐTD-DN/PGBankHN ngày 20/06/2017. Hạn mức vay: 690.000.000 VNĐ; thời hạn vay: 84 tháng; lãi suất: 8,49%/năm trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân và được điều chỉnh định kỳ 3 tháng 1 lần. Mục đích vay: Thanh toán 1 phần tiền mua xe ô tô Chevrolet Colorado 2.8 LTZ MY17. Tài sản đảm bảo: Quyền sở hữu và quyền thụ hưởng bảo hiểm của xe ô tô tải Pick up cabin kép màu đen, nhãn hiệu Chevrolet, biển kiểm soát: 29C-767.73.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
01/01/2023	792.000.000.000	11.030.674.183	803.030.674.183
- (Lỗ) trong kỳ	-	(304.451.941.864)	(304.451.941.864)
31/12/2023	792.000.000.000	(293.421.267.681)	498.578.732.319
01/01/2024	792.000.000.000	(293.421.267.681)	498.578.732.319
- (Lỗ) trong kỳ	-	(12.956.117.044)	(12.956.117.044)
30/06/2024	792.000.000.000	(306.377.384.725)	485.622.615.275

20.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	30/06/2024 VND	Tỷ lệ %	01/01/2024 VND	Tỷ lệ %
- Ông Đỗ Cần	70.700.800.000	8,93%	70.700.800.000	8,93%
- Vốn góp của các Cổ đông khác	721.299.200.000	91,07%	721.299.200.000	91,07%
	792.000.000.000	100,00%	792.000.000.000	100,00%

20.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	792.000.000.000	792.000.000.000
+ Vốn góp cuối kỳ	792.000.000.000	792.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

20.4 CỔ PHIẾU

	30/06/2024 CP	01/01/2024 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	79.200.000	79.200.000
+ Cổ phiếu phổ thông	79.200.000	79.200.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	79.200.000	79.200.000
+ Cổ phiếu phổ thông	79.200.000	79.200.000
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

21. DOANH THU BÁN HÀNG

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Doanh thu bán hàng hoá	28.241.682.139	50.951.606.174
Cộng	28.241.682.139	50.951.606.174

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Giá vốn bán hàng hoá	27.742.959.000	50.817.179.036
Cộng	27.742.959.000	50.817.179.036

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Lãi cho vay, tiền gửi	7.206.005.825	8.153.766.501
Cộng	7.206.005.825	8.153.766.501

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Chi phí lãi vay	1.423.031.663	1.718.223.598
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	15.039.247.325	277.448.003.838
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	2.595.600.000	-
Cộng	19.057.878.988	279.166.227.436

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Chi phí nhân viên quản lý	578.987.900	519.912.000
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	146.160.061	109.099.910
- Dự phòng phải thu khó đòi	-	30.283.356.500
- Chi phí bằng tiền khác	656.727.412	997.780.389
Cộng	1.381.875.373	31.910.148.799

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Chi phí nhân công	578.987.900	519.912.000
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	146.160.061	109.099.910
- Dự phòng phải thu khó đòi	-	30.283.356.500
- Chi phí bằng tiền khác	656.727.412	997.780.389
Cộng	1.381.875.373	31.910.148.799

27. THU NHẬP KHÁC

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Thanh lý TSCĐ	46.408.353	-
Cộng	46.408.353	-

28. CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Chi phí phạt vi phạm hành chính	267.500.000	-
	267.500.000	-

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty không tính chi tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 30 – Lãi cơ bản trên cổ phiếu yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu theo quy định của Chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

30. THÔNG TIN VỀ BÊN LIÊN QUAN

Trong 6 tháng đầu năm 2024, Công ty có phát sinh giao dịch và số dư với các bên liên quan sau:

Bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty Cổ phần BWG Mai Châu

Công ty con

Các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

Cán bộ chủ chốt

Giao dịch với bên liên quan

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Công ty Cổ phần BWG Mai Châu	59.400.000	72.600.000
Mua hàng hóa	59.400.000	72.600.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

30. THÔNG TIN VỀ BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Số dư với các bên liên quan:

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải trả người bán	92.394.132	30.354.132
- Công ty Cổ phần BWG Mai Châu	92.394.132	30.354.132

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc:

STT	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập/Thù lao	
			Kỳ này VND	Kỳ trước VND
1	Ông Nguyễn Trí Thiện	Chủ tịch	94.512.000	60.102.000
2	Ông Nguyễn Xuân Nam	Thành viên Hội đồng Quản trị	88.200.000	58.200.000
3	Ông Đặng Văn Hoà	Thành viên Hội đồng Quản trị	30.000.000	-
4	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên Hội đồng Quản trị/Tổng Giám đốc	49.400.000	-
5	Ông Nguyễn Công Khải	Thành viên Hội đồng Quản trị	30.000.000	-
6	Bà Nguyễn Thị Minh	Trưởng BKS	12.000.000	-
7	Bà Nguyễn Thị Mai Hương	Thành viên BKS	12.000.000	-
8	Bà Đỗ Như Ngọc	Thành viên BKS	12.000.000	-
			328.112.000	118.302.000

31. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Tại ngày 16/08/2024, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương đã ban hành Nghị quyết số 1608/2024/NQHDQT - SJF về việc thông qua phương án góp vốn vào Công ty Cổ phần Hạ tầng staBOO Việt Nam. Cụ thể, Công ty góp vốn thêm 200.000.000.000 đồng, tương đương với 20.000.000 cổ phần, chiếm 84,75 % tổng số vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Hạ tầng staBOO Việt Nam và chiếm 100% quyền biểu quyết. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty đã hoàn thành việc góp vốn nêu trên.

Tại ngày 27/09/2024, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương đã ban hành Nghị quyết số 2709/2024/NQHDQT - SJF về việc thông qua việc thoái toàn bộ vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tona – Công ty liên kết của Công ty. Hội đồng quản trị đã giao cho Ban Tổng Giám đốc tìm kiếm đối tác chuyển nhượng cổ phần của Tona trong năm 2024. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty chưa hoàn thành việc thoái vốn nêu trên.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không còn sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến 30/06/2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

32. THÔNG TIN KHÁC

Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh đã ra Quyết định hủy niêm yết cổ phiếu của Công ty số 597/QĐ-SGDHCM ngày 25/10/2024, có hiệu lực từ ngày 01/11/2024 và ngày giao dịch cuối cùng cổ phiếu SJF tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là ngày 10/11/2023.

Tại ngày 06/11/2024, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã ra quyết định số 1188/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương quyết định chấp thuận đăng ký giao dịch 79.200.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương (mã chứng khoán: SJF) tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Ngoài ra, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã đưa ra thông báo số 4911/TB-SGDHN về việc chính thức đưa 79.200.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương vào giao dịch trên thị trường đăng ký giao dịch (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 13/11/2024 đồng thời đưa vào diện đình chỉ giao dịch theo quyết định số 1189/QĐ-SGDHN ngày 06/11/2024.

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương đã được soát xét và Báo cáo tài chính riêng năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 22 tháng 11 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Bùi Thị Ngọc Huyền

Bùi Thị Ngọc Huyền

Nguyễn Trí Thiện